

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Phương Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Đoàn

2. Ông Võ Trường Tam

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Chánh Nhật- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 188/2024/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An, xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An, xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Huỳnh Thanh T trình bày:*

Bà Huỳnh Thanh T và ông Nguyễn Văn S kết hôn và chung sống từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97/2005, ngày 17/10/2005.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian khoảng hơn 10 năm. Thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng ly thân đã hơn 06 tháng nhưng không thể hàn gắn được. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông S nên xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 08/7/2006 và Nguyễn Huỳnh Yến V, sinh ngày 28/7/2009. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn S mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông S không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và quan hệ tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt: Bà Huỳnh Thanh T có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Văn S vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thanh T và ông Nguyễn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Long An vào năm 2005, đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết có tổ chức hòa giải để vợ chồng có điều kiện đoàn tụ nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn và ông S không đến tham gia giải quyết. Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành do đó căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”, xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thanh T với ông Nguyễn Văn S.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Con chung tên Nguyễn Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 08/7/2006 và Nguyễn Huỳnh Yến V, sinh ngày 28/7/2009 hiện do bà T nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ông S không gửi văn bản phản đối với yêu cầu của bà T, mặt khác con chung đang có cuộc sống ổn định

với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Bà Huỳnh Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 29, 51, 53, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thanh T về việc xin ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Giao cho bà Huỳnh Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Huỳnh Tuấn K, sinh ngày 08/7/2006 và Nguyễn Huỳnh Yến V, sinh ngày 28/7/2009. Ông Nguyễn Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0011265 ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Phương Thảo**